

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I - MÔN GDCD LỚP 11
Năm học 2021 – 2022

I. Ma trận

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	TN	Tự luận
1	Công dân với sự phát triển kinh tế	1. Công dân với sự phát triển kinh tế	8	2
2	Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	2. Hàng hóa – Tiền tệ - Thị trường	8	
3	Chủ đề: Các quy luật kinh tế cơ bản trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	3. Quy luật giá trị trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	4	
		4. Quy luật cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	4	
		5. Quy luật cung – cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hóa	4	
Tổng cộng			28	

II. Nội dung

BÀI 1: CÔNG DÂN VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

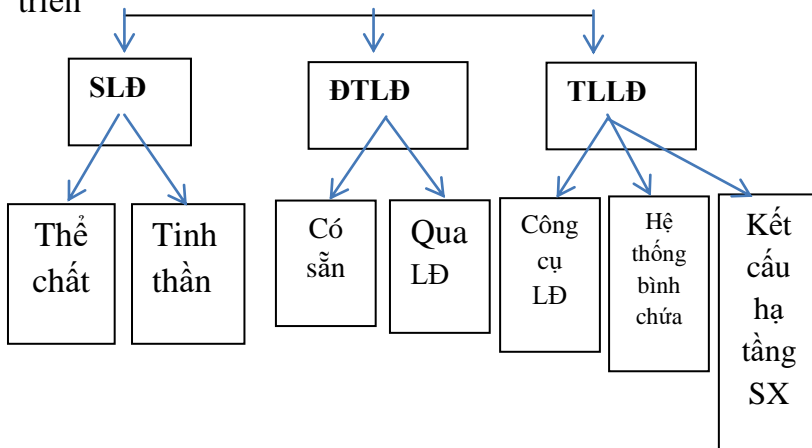
1. Sản xuất của cải vật chất.

a. Khái niệm

Là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.

b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Duy trì sự tồn tại của con người và xã hội loài người.
- Con người được cải tạo, phát triển và hoàn thiện cả về thể chất và tinh thần
- Hoạt động sản xuất là trung tâm, là tiền đề thúc đẩy các hoạt động khác của xã hội phát triển



2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất.

a. Sức lao động

- SLĐ là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.
- Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

b. Đối tượng lao động.

- Đối tượng lao động là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.
- Có 2 loại đối tượng lao động :
 - + Loại có sẵn trong tự nhiên → ngành CN khai thác
 - + Loại đã trải qua tác động của lao động → CN chế biến

c. Tư liệu lao động

Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thoả mãn nhu cầu của con người.

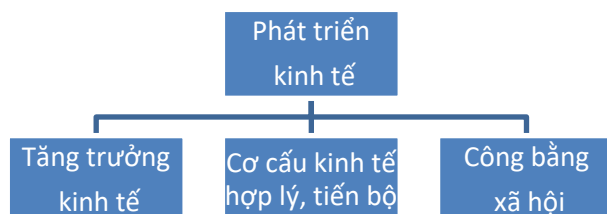
- Tư liệu lao động được chia thành 3 loại :
 - + Công cụ lao động hay công cụ sản xuất như : cày, cuốc, máy móc
 - + Hệ thống bình chứa của sản xuất như: ống, thùng, hộp
 - + Kết cấu hạ tầng của sản xuất như : đường giao thông, bến cảng, nhà ga...

Ý nghĩa:

- Thường xuyên học tập, rèn luyện nâng cao chất lượng sức lao động.
 - TLLĐ và ĐTLĐ đều bắt nguồn từ tự nhiên -> bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội

a. Phát triển kinh tế



* Tăng trưởng kinh tế: là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó.

b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

- **Đối với cá nhân:** Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân.
- **Đối với xã hội:**
 - + Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện.
 - + Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

1. Hàng hóa

a. Hàng hoá là gì?

- Hàng hoá là:
 - + Sản phẩm do lao động làm ra
 - + Có công dụng nhất định
 - + Thông qua trao đổi, mua bán
- 2 loại: + Hàng hoá vật thể
 - + Hàng hoá phi vật thể

b. Hai thuộc tính của hàng hoá.

*Giá trị sử dụng của hàng hoá

- Là công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
- Một hàng hóa có thể có một hoặc nhiều giá trị sử dụng.
- Giá trị sử dụng được phát hiện dần cùng với sự phát triển của khoa học - kĩ thuật.

* Giá trị của hàng hoá

- Giá trị hàng hoá là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hoá.
- Giá trị của hàng hoá được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi của nó.

2. Tiền tệ

Các chức năng của tiền tệ

- Thước đo giá trị:
 - + Tiền tệ được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa.
 - + Giá trị của hàng hóa được biểu hiện bằng một lượng tiền nhất định gọi là giá cả.
- Phương tiện lưu thông: Tiền tệ vận động theo công thức: $H - T - H$
- Phương tiện cất trữ: tiền rút khỏi lưu thông đi vào cất trữ, khi cần mang ra mua hàng. Tiền phải là tiền vàng.
- Phương tiện thanh toán: tiền tệ dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán
- Tiền tệ thế giới:
 - + Tiền tệ làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ nước này sang nước khác.
 - + Tiền phải là tiền vàng hoặc tiền được công nhận là phương tiện thanh toán quốc tế, tiền hành theo tỉ giá hối đoái.

3. Thị trường

a. Thị trường là gì?

- Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá.
- Các nhân tố cơ bản: hàng hoá, tiền tệ, người mua, người bán
 - Hình thành các quan hệ: hàng hóa – tiền tệ; mua – bán; cung – cầu; giá cả hàng hóa.

b. Các chức năng cơ bản của thị trường

- Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hoá.
 - + Trên thị trường, những hàng hoá nào thích hợp với nhu cầu, thị hiếu của xã hội thì bán được. → giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá được thực hiện.
- Chức năng thông tin.
 - + Về quy mô cung - cầu, giá cả, chất lượng, cơ cấu, chủng loại, điều kiện mua - bán...
 - người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận
 - người mua sẽ điều chỉnh việc mua cho có lợi nhất.
- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.
 - + Sự biến động của cung - cầu, giá cả trên thị trường đã điều tiết các yếu tố sản xuất từ ngành này sang ngành khác, luân chuyển hàng hoá từ nơi này sang nơi khác.
 - + Khi giá cả hàng hoá tăng sẽ kích thích sản xuất nhưng lại hạn chế người tiêu dùng và ngược lại.

BÀI 3: QUY LUẬT GIÁ TRỊ TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Nội dung quy luật giá trị

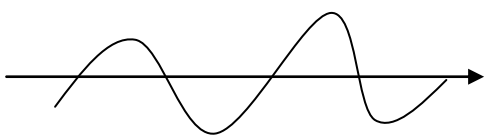
a) Vai trò :

Là quy luật kinh tế cơ bản của sản xuất và trao đổi hàng hóa

b) Nội dung

Việc sản xuất và trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa.

c) Biểu hiện :

	Trong sản xuất	Trong lưu thông
Đối với 1 hàng hóa	$TGLĐCB < TGLĐXHCT$ -> Lãi cao $TGLĐCB = TGLĐXHCT$ -> Lãi trung bình $TGLĐCB > TGLĐXHCT$ -> Thua lỗ	 Giá cả hàng hóa luôn vận động xoay quanh trực giá trị hàng hóa.
Đối với tổng số hàng hóa	$\sum TGLĐCB < \sum TGLĐXHCT$ -> Thiếu hàng hóa $\sum TGLĐCB = \sum TGLĐXHCT$ -> Ổn định thị trường $\sum TGLĐCB > \sum TGLĐXHCT$ -> Thừa hàng hóa	Quy luật giá trị yêu cầu : Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán = Tổng giá trị hàng hóa trong sản xuất

2. Tác động của quy luật giá trị

a) Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

- Điều tiết sản xuất: Là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành này sang ngành khác.

- Lưu thông hàng hóa: Phân phối nguồn hàng từ nơi này đến nơi khác.

b) Kích thích LLSX phát triển và năng suất lao động tăng

Muốn thu được nhiều lợi nhuận, người sản xuất kinh doanh phải phát triển LLSX bằng cách cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề của người lao động, làm cho giá trị cá biệt thấp hơn giá trị xã hội.

c) Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

BÀI 4: CẠNH TRANH TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.

a. Khái niệm cạnh tranh

- Cạnh tranh là sự **ganh đua, đấu tranh** giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất hàng hoá - kinh doanh nhằm **giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.**

- Có hai loại cạnh tranh :

- + Lành mạnh
- + Không lành mạnh

b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

- Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập trong sản xuất - kinh doanh

- Do điều kiện sản xuất và lợi ích của mỗi chủ thể kinh tế khác nhau

c. Mục đích của cạnh tranh

- Nhằm giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

+ Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực SX khác

+ Giành ưu thế về khoa học, công nghệ

+ Giành thị trường, nơi đầu tư các hợp đồng và các đơn đặt hàng.

+ Giành ưu thế về chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán

2. Tính hai mặt của cạnh tranh

a. Mặt tích cực của cạnh tranh

- Kích thích LLSX, KHKT phát triển và năng suất lao động XH tăng lên

- Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh

b. Mặt tiêu cực của cạnh tranh

- Môi trường, môi sinh suy thoái và mất cân bằng

- Không từ những thủ đoạn phi pháp, bất lương

- Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

BÀI 5: CUNG CẦU TRONG SẢN XUẤT VÀ LƯU THÔNG HÀNG HÓA

1. Khái niệm cung, cầu.

a. Khái niệm cầu.

- Cầu là khối lượng hàng hoá, dịch vụ mà *người tiêu dùng cần mua* trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định

b. Khái niệm cung.

- Cung là khối lượng hàng hoá, dịch vụ hiện có *trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường* trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

2. Mối quan hệ cung - cầu trong sản xuất và lưu thông hàng hoá.

a. Nội dung của quan hệ cung - cầu.

- Quan hệ cung cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán (người SX) với người mua (người tiêu dùng) diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

b. Biểu hiện của quan hệ cung cầu.

- Cung - cầu tác động lẫn nhau.

+ Cầu tăng → SX mở rộng → cung tăng.

+ Cầu giảm → SX thu hẹp → cung giảm.

- Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.

+ Cung = cầu → giá cả = giá trị

+ Cung > cầu → giá cả < giá trị

- + Cung < cầu → giá cả > giá trị
- Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.
- + Giá cả tăng → cung tăng và cầu giảm.
- + Giá cả giảm → cung giảm và cầu tăng.

3. Vận dụng quan hệ cung - cầu

- Đối với nhà nước: điều tiết các quan hệ cung cầu trên thị trường thông qua pháp luật và chính sách.
- Đối với người sản xuất kinh doanh: ra các quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất - kinh doanh ứng với các trường hợp cung cầu.
- Đối với người tiêu dùng: ra các quyết định mua hàng thích ứng với các trường hợp cung - cầu để có lợi

III. Đề minh họa

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Câu 1: Toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là nội dung của khái niệm nào sau đây?

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| A. Đối tượng lao động. | B. Sức lao động. |
| C. Tăng trưởng kinh tế. | D. Phát triển kinh tế. |

Câu 2: Hệ thống bình chứa thuộc một trong các yếu tố nào sau đây của quá trình sản xuất?

- | | |
|-------------------------|-----------------------|
| A. Đối tượng sản xuất. | B. Tư liệu lao động. |
| C. Môi trường tự nhiên. | D. Yếu tố khách quan. |

Câu 3: Vai trò của sản xuất của cải vật chất được thể hiện ở nội dung nào sau đây?

- | | |
|--------------------------|--------------------------------|
| A. Cung cấp thông tin. | B. Xóa bỏ mọi loại cạnh tranh. |
| C. Lũng đoạn thị trường. | D. Cơ sở tồn tại của xã hội. |

Câu 4: Yếu tố nào sau đây cấu thành tư liệu lao động?

- | | |
|------------------------|------------------------|
| A. Kết cấu hạ tầng. | B. Đối tượng lao động. |
| C. Điều kiện thể chất. | D. Đội ngũ nhân công. |

Câu 5: Yếu tố nào sau đây giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất của quá trình sản xuất?

- | | |
|----------------------|------------------------|
| A. Tư liệu lao động. | B. Đối tượng lao động. |
| C. Sức lao động. | D. Công cụ lao động. |

Câu 6: Đối tượng lao động và tư liệu lao động kết hợp thành yếu tố nào sau đây?

- | | |
|----------------------------|----------------------|
| A. Đội ngũ nhân công. | B. Tư liệu sản xuất. |
| C. Tài nguyên thiên nhiên. | D. Sức lao động. |

Câu 7: Nội dung nào sau đây là một trong những thuộc tính cơ bản của hàng hóa?

- | | |
|----------------------------|-------------------------|
| A. Giá trị sử dụng. | B. Điều tiết tiêu dùng. |
| C. Phương tiện thanh toán. | D. Đầu cơ tích trữ. |

Câu 8: Công dụng của sản phẩm làm cho hàng hóa luôn có giá trị nào sau đây?

- | | | | |
|--------------|-------------|-------------|------------|
| A. Thặng dư. | B. Sử dụng. | C. Cá biệt. | D. Xã hội. |
|--------------|-------------|-------------|------------|

Câu 9: Nội dung nào sau đây thể hiện một trong những chức năng của tiền tệ?

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| A. Phương tiện lưu thông. | B. Xóa bỏ cạnh tranh. |
| C. Cung cấp thông tin. | D. Triệt tiêu độc quyền. |

Câu 10: Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

- | | |
|------------------------|--------------------------|
| A. Điều tiết sản xuất. | B. Kích thích tiêu dùng. |
| C. Cung cấp thông tin. | D. Phương tiện cất trữ. |

Câu 11: Theo quy luật giá trị, trong lưu thông việc trao đổi hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào sau đây?

- | | |
|-------------------------------|--|
| A. Phân công lao động xã hội. | B. Hao phí lao động cá biệt khác nhau. |
|-------------------------------|--|

C. Chuyên môn hóa sản xuất.

D. Thời gian lao động xã hội cần thiết.

Câu 12: Quy luật giá trị có tác động tích cực nào sau đây?

A. Xóa bỏ các loại cạnh tranh.

B. Duy trì hiện tượng lạm phát.

C. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

D. Thực hiện công bằng xã hội tuyệt đối.

Câu 13: Mặt hạn chế của cạnh tranh được biểu hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Đầu cơ gây rối loạn thị trường.

B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

C. Chủ động hội nhập quốc tế.

D. Nâng cao năng lực cạnh tranh.

Câu 14: Cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa nhằm mục đích nào sau đây?

A. Giành lợi nhuận nhiều nhất.

B. Xóa bỏ cơ chế thị trường.

C. Chấm dứt tình trạng lạm phát.

D. Thúc đẩy đầu cơ tích trữ.

Câu 15: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kỳ nhất định tương ứng với mức giá cả và thu nhập xác định là nội dung của khái niệm nào sau đây?

A. Cung.

B. Cầu.

C. Thị trường.

D. Cạnh tranh.

Câu 16: Quan hệ cung - cầu **không** thể hiện ở nội dung nào sau đây?

A. Cung - cầu triệt tiêu giá cả.

B. Cung - cầu tác động lẫn nhau.

C. Giá cả ảnh hưởng đến cung - cầu.

D. Cung - cầu ảnh hưởng đến giá cả.

Câu 17: Trong quá trình sản xuất, cây gỗ dùng để chống lò trong khu vực hầm mỏ là yếu tố nào sau đây?

A. Tư liệu lao động.

B. Đối tượng lao động.

C. Đội ngũ lao động.

D. Khả năng lao động.

Câu 18: Việc làm nào sau đây của công dân góp phần phát triển kinh tế gia đình?

A. Chủ động tham gia sản xuất.

B. Thành lập quỹ bảo trợ xã hội.

C. Hướng dẫn chăm sóc sức khỏe.

D. Tiếp cận phương tiện truyền thông.

Câu 19: Khi trao đổi hàng hóa vượt ra khỏi biên giới quốc gia thì tiền tệ thực hiện chức năng nào sau đây?

A. Thúc đẩy độc quyền.

B. Công cụ tích trữ.

C. Gia tăng lạm phát.

D. Tiền tệ thế giới.

Câu 20: Thị trường giúp người bán đưa ra các quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận là thể hiện chức năng nào sau đây?

A. Cung cấp thông tin.

B. Thước đo giá trị.

C. Công cụ thanh toán.

D. Xóa bỏ cạnh tranh.

Câu 21: Thị trường giúp người tiêu dùng điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất là thể hiện chức năng nào sau đây?

A. Tiền tệ thế giới.

B. Phương tiện cất trữ.

C. Cung cấp thông tin.

D. Thúc đẩy độc quyền.

Câu 22: Việc người sản xuất luân chuyển hàng hóa từ nơi này sang nơi khác thông qua sự biến động của giá cả thị trường là thực hiện chức năng nào sau đây của thị trường?

A. Thanh toán.

B. Cất trữ.

C. Kiểm tra.

D. Điều tiết.

Câu 23: Người sản xuất tiến hành cải tiến kỹ thuật là vận dụng tác động nào sau đây của quy luật giá trị?

A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

C. Phân phối các yếu tố tư liệu lao động.

D. Thúc đẩy thời gian lao động cá biệt tăng.

Câu 24: Người sản xuất phân phối lại nguồn hàng thông qua sự biến động của giá cả trên thị trường là vận dụng tác động nào sau đây của quy luật giá trị?

- A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- B. Thu tóm ngân sách quốc gia.
- C. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.
- D. San bằng các nguồn thu nhập.

Câu 25: Việc khai thác gỗ bừa bãi làm cho rừng bị tàn phá là thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh ở nội dung nào sau đây?

- A. Khai thác tối đa nguồn lực của đất nước.
- B. Điều tiết lưu thông hàng hóa.
- C. Chạy theo lợi nhuận một cách thiếu ý thức.
- D. Nâng cao năng lực cạnh tranh.

Câu 26: Việc vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên làm cho môi trường suy thoái là biểu hiện sự tác động của cạnh tranh ở mặt nào sau đây?

- A. Hạn chế.
- B. Tích cực.
- C. Tiến bộ.
- D. Lành mạnh.

Câu 27: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, giá cả thị trường cao hơn giá trị hàng hóa ở trường hợp nào sau đây?

- A. Cung lớn hơn cầu.
- B. Cung nhỏ hơn cầu.
- C. Cầu nhỏ hơn cung.
- D. Cầu cân bằng cung.

Câu 28: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi giá cả tăng lên, lượng cung và cầu thường thay đổi theo xu hướng nào sau đây?

- A. Cung giảm, cầu giảm.
- B. Cung tăng, cầu giảm.
- C. Cung tăng, cầu tăng.
- D. Cung giảm, cầu tăng.

II. PHẦN TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (2 điểm):

Một số cá nhân kinh doanh khâu trang, lợi dụng tình hình dịch COVID-19 đã đầu cơ tích trữ mặt hàng này và đẩy giá sản phẩm lên cao gây rối loạn thị trường để thu nhiều lợi nhuận bất chính.

- a. Theo em, thực trạng trên thể hiện mặt nào của quy luật cạnh tranh?
- b. Khẳng định của em dựa trên cơ sở nào?

Câu 2 (1 điểm):

Em hãy nêu giải pháp vận dụng tác động điều tiết sản xuất của quy luật giá trị khi tham gia sản xuất hàng hóa để mang lại hiệu quả kinh tế cao.

----- **HẾT** -----